

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1745 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện
Nam Trực - Trực Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ văn bản số 958/UBND-VP5 ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Nam Trực - Trực Ninh;

Căn cứ văn bản số 775/UBND-VP5 ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc điều chỉnh tầm nhìn các quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Hải Hậu - Giao Thủy, Nghĩa Hưng - Ý Yên, Nam Trực - Trực Ninh;

Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Nam Trực - Trực Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ văn bản số 131/UBND-VP5 ngày 06/02/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc điều chỉnh thời gian lập Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09/4/2024 của HĐND tỉnh Nam Định thông qua Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Nam Trực - Trực Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét văn bản số 70/SXD-QH ngày 31/5/2024 của Sở Xây dựng về việc thẩm định Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Nam Trực - Trực Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 101/TTr-SXD ngày 29/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Nam Trực - Trực Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung sau:

I. THÀNH PHẦN BẢN VẼ

1. Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng (QH-01)
2. Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, phân bố dân cư và sử dụng đất (QH-02A)
3. Bản đồ hiện trạng giao thông (QH-02B)
4. Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước (QH-02C)
5. Bản đồ hiện trạng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang (QH-02D)
6. Bản đồ hiện trạng cấp điện và thông tin liên lạc (QH-02E)
7. Bản đồ phân vùng quản lý phát triển (QH-03)
8. Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng (QH-04)
9. Bản đồ định hướng phát triển giao thông vùng (QH-05)
10. Bản đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật vùng (KT-06)
11. Bản đồ định hướng cấp nước vùng (QH-07)
12. Bản đồ định hướng hệ thống điện, cung cấp năng lượng và hạ tầng viễn thông thụ động (QH-08)
13. Bản đồ định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang (QH-09)

II. QUY MÔ, PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH

- Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng 308 km².
- Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của 02 huyện Nam Trực và Trực Ninh.

III. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÙNG

- Phát triển không gian kinh tế dọc theo các tuyến giao thông, kết nối khu vực các huyện phía Nam tỉnh với thành phố Nam Định. Quy hoạch phát triển thương mại, dịch vụ dọc theo QL.21, QL.37B, ĐT.487, ĐT. 488, ĐT.490C, ĐT.484.

- Quy hoạch xây dựng và phát triển trục đô thị: Thị trấn Cổ Lễ, Cát Thành, Ninh Cường, Nam Giang và Đồng Sơn.

- Chú trọng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, ổn định và nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp. Phát triển bền vững kinh tế- xã hội với củng cố quốc phòng an ninh, củng cố khu vực phòng thủ trên tuyến QL.21 nối ra biển.

IV. ĐỘNG LỰC VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CỦA VÙNG

- Vùng liên huyện Nam Trực - Trực Ninh là đầu mối giao thông quan trọng tại cửa ngõ phía Nam thành phố Nam Định kết nối thành phố Nam Định với vùng kinh tế biển của tỉnh và các huyện phía Nam như Hải Hậu, Xuân Trường, Giao Thủy.

- Có hệ thống sông Hồng phía Bắc và sông Ninh Cơ chảy ngang, thuận lợi cho phát triển việc vận chuyển, trao đổi hàng hóa, giao lưu kinh tế với các huyện trong tỉnh và ngoài tỉnh.

- Định hướng thành lập đô thị mới Đồng Sơn thuộc huyện Nam Trực; các tuyến đường trục nối từ cao tốc Bắc Nam về khu kinh tế biển, tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quan - Đường bộ ven biển đang triển khai đầu tư xây dựng.

- Tầm nhìn phát triển vùng: Giai đoạn 2030 - 2040, tầm nhìn đến năm 2050 trở thành vùng không gian lãnh thổ phát triển bền vững, lấy công nghiệp và dịch vụ thương mại là hướng phát triển ưu tiên. Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp, làng nghề.

V. MỘT SỐ DỰ BÁO

1. Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân năm giai đoạn 2023-2030 đạt 10%, bình quân giai đoạn 2031-2040 đạt 8,5%.

- Thu nhập thực tế bình quân đầu người đến năm 2030 đạt trên 130 triệu đồng/người/năm, đến năm 2040 đạt khoảng 420 triệu đồng/người/năm.

2. Về dân số, lao động

- Dự báo đến năm 2030 dân số toàn vùng khoảng 401.500 người; đến năm 2040 dân số toàn vùng khoảng 485.000 người.

- Dự kiến đến năm 2030 lực lượng lao động trong toàn vùng có khoảng 240.900 người, chiếm 60% tổng dân số; cơ cấu lao động trong các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản - công nghiệp và xây dựng - dịch vụ lần lượt tương ứng là 25% ÷ 45% ÷ 30%. Đến năm 2040 lực lượng lao động trong toàn vùng có khoảng 315.300 người, chiếm 65% dân số; cơ cấu lao động trong các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản - công nghiệp và xây dựng - dịch vụ lần lượt tương ứng là 17% ÷ 45% ÷ 38%.

3. Về tỷ lệ đô thị hóa

- Định hướng đến năm 2030: Tỷ lệ đô thị hoá 40,1%, dân số đô thị khoảng 161.000 người.

- Định hướng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050: Tỷ lệ đô thị hoá 45,2%, dân số đô thị khoảng 219.000 người.

4. Về nhu cầu sử dụng đất

Dự báo nhu cầu đất cho phát triển các khu chức năng chính vùng huyện Nam Trực và Trực Ninh đến năm 2040 như sau:

- Đất dành cho phát triển xây dựng (đô thị, dân cư nông thôn, công nghiệp, thương mại - dịch vụ, di tích, tôn giáo, an ninh quốc phòng, hạ tầng và các chức năng khác) đến năm 2030 khoảng 8.080ha, đến năm 2040 khoảng 10.994ha.

- Đất sản xuất nông nghiệp và chức năng khác (phát triển nông nghiệp, mặt nước sông, suối, ao, hồ, kênh mương thuỷ lợi) đến năm 2030 khoảng 22.720ha, đến năm 2040 khoảng 19.806ha.

5. Về bảo vệ môi trường

Dự báo các vấn đề môi trường chính: Các tác động đến môi trường kinh tế, xã hội; các tác động đến môi trường không khí, tiếng ồn; các tác động đến môi trường nước; các tác động đến môi trường đất; các tác động đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học; các vấn đề biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

6. Các rủi ro về biến động, thảm họa thiên nhiên

- Bảo vệ môi trường sinh thái sông. Phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, đồng bộ cơ sở hạ tầng, tiết kiệm nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường sinh thái. Dành không gian cho mặt nước và cây xanh, kết hợp vui chơi giải trí, cảnh quan không gian mở tại các khu đô thị, khu công nghiệp, khu dịch vụ.

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái gắn với các khu dân cư hiện hữu.

VI. TỔ CHỨC PHÂN VÙNG VÀ YÊU CẦU QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN THEO CÁC PHÂN VÙNG

1. Vùng 1: Phân vùng phát triển đô thị dịch vụ, du lịch sinh thái nông nghiệp phía Tây Nam thành phố Nam Định

- Phạm vi: Bao gồm 06 đơn vị hành chính nằm phía Tây Bắc huyện Nam Trực.

- Tính chất: Là vùng phát triển đô thị dịch vụ phía Tây Nam thành phố Nam Định. Là trung tâm đầu mối hạ tầng kỹ thuật quan trọng, là vùng phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp gắn với hoạt động trồng hoa, cây cảnh có lịch sử truyền thống.

- Định hướng phát triển: Ưu tiên hình thành các khu, cụm công nghiệp, các trung tâm thương mại dịch vụ dọc trục tuyến đường Nam Định - Lạc Quan - Yên Định. Phát triển cụm công nghiệp (CCN) Đồng Côi và CCN Vân Chàng. Hình thành tuyến đường tránh Nam Giang. Mở rộng ranh giới thị trấn Nam Giang phần đầu sau năm 2030 thành đô thị loại IV. Hình thành không gian phát triển đô thị tại khu vực Cầu Voi, dự kiến hình thành đô thị mới giai đoạn sau 2040.

2. Vùng 2: Phân vùng dân cư nông thôn gắn với nông nghiệp chất lượng cao

- Phạm vi: Bao gồm 09 đơn vị hành chính, trong đó 07 xã thuộc huyện Nam Trực và 01 đô thị, 01 xã thuộc huyện Trực Ninh.

- Tính chất: Là vùng dân cư nông thôn gắn với phát triển nông nghiệp chất lượng cao, là vùng đệm chuyển tiếp giữa các khu vực phát triển đô thị 2 huyện. Phát triển mạnh lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và du lịch sinh thái.

- Định hướng phát triển: Hình thành các trung tâm dịch vụ thương mại dọc tuyến đường QL.21B, đường Nam Định - Lạc Quần - Yên Định tại khu vực xã Nam Thắng, Nam Hùng. Hình thành khu công nghiệp (KCN) Nam Hồng; 04 CCN mới (Đông Thái, Nam Thái, Hưng Nội và Hải Lợi), hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CCN Tân Thịnh. Hình thành không gian phát triển đô thị tại khu vực xã Nam Tiến, xã Trực Nội.

3. Vùng 3: Phân vùng phát triển đô thị dịch vụ gắn với Sông Hồng, sông Ninh Cơ

- Phạm vi: Bao gồm 06 đơn vị hành chính, trong đó 01 xã thuộc huyện Nam Trực và 02 thị trấn, 03 xã thuộc huyện Trực Ninh.

- Tính chất: Là vùng phát triển đô thị dịch vụ gắn với sông Hồng và sông Ninh Cơ, là trung tâm hành chính huyện Trực Ninh có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực phía Nam toàn vùng. Là trung tâm kinh tế đa ngành, phát triển giao thương giữa hành lang kinh tế vùng biển và giao thương kinh tế các vùng huyện Thái Bình.

- Định hướng phát triển: Mở rộng thị trấn Cổ Lễ phấn đấu đến năm 2030 thành đô thị loại IV. Mở rộng thị trấn Cát Thành phấn đấu đến năm 2040 thành đô thị loại IV. Hình thành thêm 06 CNN (Nam Thanh 1, Nam Thanh, Trực Tuấn, Việt Hùng, Hùng Thành, Thanh Đạo), hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CCN Cổ Lễ và CCN Cát Thành.

4. Vùng 4: Phân vùng phát triển đô thị dịch vụ gắn với nông nghiệp truyền thống phía Nam

- Phạm vi: Bao gồm thị trấn Ninh Cường và 03 xã thuộc huyện Trực Ninh.

- Tính chất: Là vùng phát triển đô thị phía Nam gắn với phát triển nông nghiệp truyền thống.

- Định hướng phát triển: Hình thành các trung tâm thương mại dọc tuyến đường QL.37B tại cửa ngõ phía Tây Nam của huyện Trực Ninh, kết nối với huyện Nghĩa Hưng. Định hướng phát triển từ Đông sang Tây gắn với các chức năng trung tâm kinh tế, văn hóa, dịch vụ.

VII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

1. Vị trí, quy mô, phương hướng tổ chức

1.1. Khu vực phát triển đô thị

6

- Định hướng đến năm 2030: Huyện Nam Trực phát triển 02 đô thị loại V là thị trấn Nam Giang mở rộng (sáp nhập thêm xã Nam Dương, xã Nam Hùng) và đô thị Đồng Sơn. Huyện Trực Ninh phát triển 01 đô thị loại IV là thị trấn Cổ Lễ mở rộng (sáp nhập thêm xã Trung Đông, Trực Chính); phát triển 03 đô thị loại V là thị trấn Ninh Cường, thị trấn Cát Thành mở rộng (sáp nhập thêm xã Trực Tuấn, Trực Đạo) và đô thị Trực Nội (sáp nhập thêm xã Trực Thanh, Trực Hưng).

- Định hướng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050: Phân đấu đô thị Nam Giang, huyện Nam Trực và đô thị Cát Thành huyện Trực Ninh trở thành đô thị loại IV.

1.2. Khu dân cư nông thôn

Tiếp tục phát triển các vùng dân cư nông thôn theo cấu trúc mạng như hiện nay. Tuân thủ định hướng của các đề án quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt.

1.3. Khu chức năng

1.3.1. Định hướng phát triển các khu công nghiệp

- Đến năm 2030: Toàn vùng quy hoạch có 01 KCN Nam Hồng, huyện Nam Trực giai đoạn 1 là 156,8 ha.

- Đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050: Phát triển mở rộng KCN Nam Hồng, huyện Nam Trực quy mô 43,2ha.

1.3.2. Định hướng phát triển các khu chức năng khác

Được xác định trên cơ sở định hướng quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng liên huyện, phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 28 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, làm cơ sở triển khai các quy hoạch tiếp theo theo quy định.

1.4. Khu vực an ninh quốc phòng

Đến năm 2030: Dự báo đất an ninh quốc phòng khoảng 119ha (trong đó đất quốc phòng trên 110ha). Đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050: Dự báo đất an ninh quốc phòng khoảng 141ha (trong đó đất quốc phòng trên 136ha).

1.5. Khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp

- Huyện Nam Trực: Phát triển vùng trồng rau công nghệ cao tại xã Nam Hùng, Nam Hoa, Nam Dương quy mô 50ha; vùng trồng hoa công nghệ cao tại xã Điền Xá. Phát triển chăn nuôi trang trại tập trung xa khu dân cư, an toàn sinh học và đảm bảo vệ sinh môi trường, tiếp tục duy trì các ao nuôi hiện có trên địa bàn.

- Huyện Trực Ninh: Phát triển vùng sản xuất lúa giống công nghệ cao tại xã Trực Hùng. Phát triển chăn nuôi trang trại tập trung xa khu dân cư, an toàn sinh học và đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Trực Chính và xã Trực Thanh. Quy hoạch 3 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại thị trấn Cổ Lễ, Trực Chính, Trực Khang.

1.6. Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Định hướng: Tu bổ, tôn tạo các công trình di tích lịch sử - văn hóa, đặc biệt các công trình di tích cấp quốc gia phải đảm bảo tính nguyên vẹn, tôn trọng yếu tố gốc, sự bền vững, gắn bảo tồn với phát triển, hài hoà với cảnh quan môi trường.

1.7. Cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác

Định hướng phát triển các cụm công nghiệp:

- Đến năm 2030: Huyện Nam Trực quy hoạch 06 CCN gồm: Tân Thịnh 50ha, Đồng Thái 72ha, Nam Thanh (thôn Du Tư) 57ha, Nam Thanh 1 là 50ha, Nam Thái 50ha, Hải Lợi 50ha. Huyện Trực Ninh quy hoạch 05 CCN gồm: Trực Tuấn 67ha, Hưng Nội 56ha, Thanh Đạo 71ha, Hùng Thành 50ha, Việt Hùng 50ha.

- Đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050: Huyện Trực Ninh mở rộng CCN Hùng Thành thêm 15,5ha; Việt Hùng thêm 22ha.

2. Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm

2.1. Trung tâm hành chính

- Trung tâm hành chính huyện Nam Trực, Trực Ninh phát triển trên cơ sở trung tâm hành chính hiện hữu của 2 huyện.

- Khu trung tâm hành chính thị trấn và các xã được xây dựng cải tạo, chỉnh trang trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

2.2. Trung tâm thương mại - dịch vụ

- Huyện Nam Trực: Xây dựng mới 01 trung tâm thương mại, cải tạo nâng cấp Chợ Chùa thị trấn Nam Giang thành trung tâm bán buôn, bán lẻ hàng hóa của huyện. Phát triển thêm từ 02 đến 05 siêu thị trên địa bàn huyện.

- Huyện Trực Ninh: Nâng cấp chợ thị trấn Cổ Lễ theo quy mô chợ hạng I, xây dựng mới 01 trung tâm thương mại, phát triển thêm từ 02 đến 05 siêu thị trên địa bàn huyện.

2.3. Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao

Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa và thể thao trên cơ sở kết hợp giữa công trình hiện có và công trình xây dựng mới. Tại các khu vực đô thị phát triển mới xây dựng hệ thống công trình văn hóa hiện đại, đa chức năng kết hợp với các khu chức năng thể dục thể thao. Bổ sung các nhà văn hoá, thư viện,... cho đô thị loại IV và V trong tương lai theo tiêu chuẩn.

2.4. Trung tâm nghiên cứu, đào tạo

Cơ bản giữ ổn định quy mô 8 trường THPT công lập trên địa bàn 02 huyện. Trên địa bàn các xã quy hoạch ít nhất từ 1-2 Trường tiểu học và THCS. Khuyến khích thành lập các trường Tiểu học, THCS, THPT hoặc liên cấp THCS-THPT, liên cấp Tiểu học-THCS-THPT ngoài công lập trên địa bàn.

2.5. Trung tâm y tế

- Cải tạo nâng cấp Trung tâm y tế trên địa bàn 02 huyện. Xây dựng mới 2 viện dưỡng lão ở xã Liêm Hải, xã Trực Nội, huyện Trực Ninh.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị y tế, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các cơ sở khám chữa bệnh hiện có tại các xã, thị trấn.

3. Các quy hoạch xây dựng cần lập theo các giai đoạn phát triển

- Lập các đồ án quy hoạch chung đô thị Đồng Sơn, Cát Thành, Cổ Lễ, Nam Giang, Trực Nội. Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng KCN Nam Hồng.

- Trên cơ sở phương án sắp xếp đơn vị hành chính của tỉnh giai đoạn 2023-2025, tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng các xã hình thành mới trên địa bàn hai huyện.

- Rà soát, lập điều chỉnh các quy hoạch trên cơ sở quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng liên huyện được duyệt.

VIII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÙNG

1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

1.1. Định hướng công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai

- Kiên cố hoá hệ thống kênh cấp I, cấp II, kênh nội đồng trên địa bàn hai huyện.

- Xây mới trạm bơm Rõng và Quĩ Ngoại, huyện Trực Ninh; nâng cấp các công trình trạm bơm: Văn Lai 1, 2; Mỏ Cò; Lương Hàn; Kinh Lũng, huyện Trực Ninh; trạm bơm An Lá I, II; Bái Hạ, huyện Nam Trực.

- Xây mới các cống: Đồng Lực, Sa Lung, Dương Độ, huyện Nam Trực. Nâng cấp các cống: Rõng 1, Cát Chử, Bà Nữ, Giá, Thóp, huyện Trực Ninh; Cống Vị Khê, Cổ Lễ, huyện Nam Trực.

- Nạo vét các bãi bồi trên sông Hồng, sông Ninh Cơ, sông Đào. Nạo vét, kiên cố hóa hệ thống sông lớn nội đồng, kênh chính.

- Quy hoạch mở rộng mặt đê, nâng cấp, cải tạo, bê tông hóa mặt đê (đê hữu Hồng, đê tả Đào, đê tả Ninh Cơ và đê hữu Ninh Cơ). Nâng cao trình các tuyến đê đảm bảo yêu cầu phòng chống lũ.

1.2. Định hướng cao độ nền

- Tuân thủ cao độ không chế nền xây dựng đã được xác định trong các đồ án quy hoạch chung thị trấn, quy hoạch chung xây dựng xã, các quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, giảm thiểu khối lượng đào đắp.

- Kết hợp hài hòa giữa khu vực xây mới và khu vực hiện trạng. Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, sạt lở, thoát nước mặt thuận lợi, không gây xói mòn, rửa trôi đất.

- Phải bảo đảm an toàn cho các đô thị và các điểm dân cư, tần suất chống lũ phù hợp với cấp đô thị, tính chất khu vực xây dựng, tuân thủ QCVN 01:2021/BXD.

1.3. Định hướng thoát nước

- Đối với các khu đô thị mới, các khu công nghiệp tập trung sẽ xây hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn. Khu dân cư hiện hữu đang có hệ thống thoát chung, trong tương lai cần đầu tư xây dựng thành hệ thống nữa riêng. Khu vực nông thôn xây dựng hệ thống thoát nước chung trước khi thoát ra sông, kênh tiêu trong khu vực.

- Khu vực nghiên cứu chia làm 3 lưu vực thoát nước mưa chính: Lưu vực 1 (thị trấn Nam Giang và các xã phía Tây sông Châu Thành, phía Bắc đường tỉnh 487B thuộc huyện Nam Trực) thoát ra sông Đào; lưu vực 2 (gồm các xã phía Đông sông Châu Thành và phía Bắc kênh Thứ Nhất thuộc huyện Nam Trực) thoát ra sông Hồng; lưu vực 3 (gồm các xã còn lại của huyện Nam Trực và toàn bộ huyện Trực Ninh) thoát ra sông Ninh Cơ.

2. Định hướng giao thông

2.1. Đường bộ

- Đường Cao tốc: Cao tốc CT.08 (Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng) quy hoạch đạt quy mô 4 làn xe. Quy hoạch tuyến đường gom 2 bên cao tốc đạt quy mô tối thiểu cấp III đồng bằng.

- Đường quốc lộ: QL.21, QL.21B, QL.37B đạt quy mô tối thiểu cấp III đồng bằng, đoạn qua khu vực phát triển đô thị tuân thủ theo quy hoạch đô thị được duyệt.

- Đường vành đai: Tại huyện Trực Ninh (vành đai xanh VĐ4, VĐ5) quy hoạch tuyến đạt tiêu chuẩn cấp IV, III đồng bằng. Huyện Nam Trực (vành đai 1 thành phố) qua địa bàn huyện Nam Trực đạt tiêu chuẩn đường đô thị 6 làn xe.

- Đường tỉnh: Quy hoạch quy mô đạt tối thiểu cấp III đồng bằng. ĐT.484 quy hoạch tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp I đồng bằng. Tuyến Trung Hòa - Nam Ninh Hải nâng cấp lên thành đường tỉnh, quy mô tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

- Các tuyến đường quy hoạch mới: Đường tránh thị trấn Nam Giang quy hoạch toàn tuyến đạt quy mô tối thiểu cấp III đồng bằng. Tuyến nối đường trục phát triển với QL.21 quy hoạch toàn tuyến quy mô tối thiểu đường cấp II đồng bằng. Tuyến đường kết nối liên huyện (từ Quốc lộ 21 địa phận thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh đến địa phận xã Nam Thanh, huyện Nam Trực) quy mô tối thiểu tương đương đường cấp III đồng bằng; Tuyến nhánh Trực Tuấn - Yên Định quy hoạch toàn tuyến quy mô cấp I đồng bằng.

- Đường huyện: Giai đoạn đến năm 2030 tiếp tục triển khai thực hiện theo các dự án đã được duyệt, nâng cấp, cải tạo hệ thống đường huyện đạt từ cấp V đến cấp IV đồng bằng, một số tuyến đường huyện thuộc huyện Nam Trực > IV đồng bằng. Cụ thể, huyện Nam Trực gồm đường: An Thắng, Hoa Lợi Hải, Bình Sơn, Tiến Thái, Thanh Khê, Mỹ Điền, An Quang, Phong Quang, Nguyễn Hiền, Giang Tiến, Thái Hải. Huyện Trực Ninh quy hoạch cải tạo, nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp

V đến cấp IV đồng bằng gồm đường: Vô Tình - Văn Lai, ĐH.53C, Hùng Thắng, Cổ Lễ - Bà Nữ, Nam Sông Sẻ, Hưng Mỹ, ĐH.488B cũ.

2.2. Đường thủy

- Phát triển hệ thống bến cảng hàng hóa, duy trì và phát triển hệ thống bến khách ngang sông, bốc xếp hàng hóa khu vực dọc sông Hồng, sông Đào và sông Ninh Cơ. Bổ sung quy hoạch mới các bến phục vụ du lịch. Duy trì khai thác sông Rõng, sông Châu Thành theo hiện trạng nạo vét, chỉnh trang luồng lạch đảm bảo cho cỡ tàu có trọng tải đến 50 tấn.

- Phát triển các cảng thủy nội địa: Cảng Nam Định (mới), cảng Nghĩa An. Cảng hàng hoá: Cụm cảng Lạc Quần (từ cảng Hoàng Vinh đến sông Quýt), cảng Quán Các, cảng Kinh Lũng. Quy hoạch mới cảng hàng hoá tại thị trấn Cổ Lễ.

- Bổ sung quỹ đất phục vụ hậu cần cảng, logistics tại các vị trí thuận lợi kết nối hạ tầng kỹ thuật.

2.3. Đường sắt

- Nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh.

- Tuyến đường sắt thành phố Nam Định - Thịnh Long và khu kinh tế Ninh Cơ kết nối với cảng biển, khu kinh tế, KCN chiều dài qua huyện khoảng 10km.

2.4. Công trình đầu mối giao thông

- Bến xe: Mở rộng, nâng cấp bến xe khách phía Nam thành phố tại xã Nghĩa An, quy mô bến loại I, kết hợp với bãi đỗ xe tĩnh và trạm trung chuyển xe buýt. Quy hoạch mới bến xe khách trung tâm huyện tại xã Trực Tuấn (giáp đường tỉnh 488B mới) tiêu chuẩn bến xe loại II; Bến xe khách tại thị trấn Ninh Cường tiêu chuẩn bến xe loại III; Bến xe tại xã Đồng Sơn.

- Quy hoạch 2 cầu đường bộ và 1 cầu đường sắt qua sông Đào gồm: Cầu Kinh Lũng trên tuyến đường tỉnh 485B, cầu trên tuyến vành đai II, cầu đường sắt trên tuyến đường sắt Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh.

- Quy hoạch 2 cầu đường bộ và 1 cầu đường sắt qua sông Hồng gồm: Cầu trên tuyến vành đai II thành phố, cầu đường bộ trên tuyến ĐT.485B, cầu đường sắt trên tuyến đường sắt Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh.

- Quy hoạch 5 cầu đường bộ và 1 cầu đường sắt qua sông Ninh Cơ gồm: Cầu trên tuyến Trực Tuấn - Yên Định, cầu Đại Nội trên QL.21B và 1 cầu đường sắt, cầu Ninh Cường (thay thế cầu phao Ninh Cường trên QL.37B), cầu trên tuyến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, cầu trên tuyến đường Nam Ninh Hải - Trung Hòa, cầu trên tuyến vành đai xanh (VĐ5).

3. Định hướng hệ thống điện

- Nguồn, lưới điện: Nâng công suất các trạm biến áp 110kV (Trực Ninh, Nam Ninh, Nam Điền) hiện đang cấp nguồn cho khu vực huyện Nam Trực và Trực Ninh.

- Xây mới các trạm biến áp 110kV: KCN Nam Hồng, Cổ Giã, Đồng Côi, Trực Nội và các tuyến đường dây đầu nối.

- Việc xác định vị trí đặt các trạm biến áp từ cấp điện áp 22kV trở lên và hướng tuyến đường dây đầu nối từ cấp điện áp 22kV trở lên sẽ được cụ thể khi triển khai dự án công trình và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

4. Định hướng hệ thống cấp nước

- Nguồn nước: Khai thác nguồn nước mặt sông Hồng, sông Ninh Cơ, sông Đào.

- Huyện Nam Trực: Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước hợp tác xã sông Đào - Nam Giang; nhà máy nước Nam Dương, Đồng Sơn, Nam Hồng, Nam Hoa, Nam Thắng, Tân Thịnh, Nam Ninh. Xây mới nhà máy nước KCN Nam Hồng.

- Huyện Trực Ninh: Chuyển đổi nhà máy nước Trực Chính thành trạm bơm tăng áp. Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Cát Thành, Trực Nội, Liêm Hải, Đông Thượng.

- Công trình phòng cháy, chữa cháy: Bố trí mạng lưới trụ sở các đội Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy với bán kính phục vụ tối đa là 3km đối với khu vực trung tâm đô thị và 5 km đối với các khu vực khác.

5. Định hướng hệ thống cung cấp năng lượng

Xây dựng kho xăng dầu < 5.000m³ tại huyện Trực Ninh gắn với cụm công nghiệp. Phát triển 01 kho trạm nạp LPG dưới 1000 m³ tại huyện Trực Ninh.

6. Định hướng thoát nước và xử lý nước thải

- Các đô thị quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, có trạm xử lý nước thải tập trung. Các điểm dân cư nông thôn xây dựng mới được quy hoạch hệ thống thoát nước riêng. Với các khu dân cư cũ, từng bước cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Các khu/cụm công nghiệp quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, có các trạm xử lý nước thải riêng, công nghệ xử lý phù hợp với tính chất nước thải công nghiệp.

- Trạm xử lý nước thải tập trung: Huyện Trực Ninh bố trí 04 trạm, huyện Nam Trực bố trí 02 trạm xử lý nước thải tập trung trên địa bàn từng huyện.

7. Định hướng quản lý chất thải, nghĩa trang

- Nâng cấp, cải tạo nhà máy xử lý chất thải, tái chế phế liệu Nam Giang; khu liên hiệp xử lý rác thải phía Bắc huyện Trực Ninh. Ngoài ra, một lượng chất thải rắn (CTR) trong vùng sẽ được đưa về nhà máy xử lý CTR Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc.

- Đối với các nghĩa trang hiện có: Cải tạo, trồng thêm cây xanh, từng bước, có lộ trình dừng chôn cất mới (hung táng), chỉ tiếp nhận mộ cát táng, hỏa táng.

- Đối với các nghĩa trang quy hoạch mới: Tuân thủ quy hoạch nghĩa trang đã được phê duyệt theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng.

8. Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động

- Từng bước ngầm hóa và thay thế nâng cấp hệ cáp mạng cũ thành mạng mới, đáp ứng yêu cầu của vận hành Internet vạn vật, xây dựng đô thị thông minh bền vững.

- Giai đoạn đến năm 2030 chuyển đổi mạng 4G, 5G theo quy hoạch băng tần đã được phê duyệt; đảm bảo vùng phủ sóng cho 100% khu vực đô thị, nông thôn.

IX. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Thực hiện đầu tư các dự án theo quy định, trong đó ưu tiên các dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023. Các dự án hạ tầng khung diện rộng, các công trình đầu mối đảm bảo kết nối liên vùng các khu vực phát triển đô thị và nông thôn giữa hai huyện Nam Trực và Trực Ninh. Các dự án đầu tư phát triển cho khu vực đô thị giữ vai trò chủ chốt (thị trấn Nam Giang, thị trấn Cổ Lễ...) khu vực phát triển công nghiệp: khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống, các điểm, khu di tích lịch sử quốc gia. Các dự án phục vụ cho đề án nâng loại đô thị, các dự án chỉnh trang, nâng cấp công trình hạ tầng xã hội. Các dự án đầu tư phát triển đô thị cho thị trấn mới. Các dự án cải tạo các đô thị hiện hữu,...

X. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH SAU KHI ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

- Huy động các nguồn lực để lập quy hoạch, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, xây dựng hạ tầng các khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu tái định cư, tạo mặt bằng sạch để thu hút các dự án đầu tư,...

- Khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, đất đai, cụ thể hóa cơ chế, chính sách cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, khai thác sử dụng đất. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động phát triển xây dựng. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ, môi trường, ... theo quy định.

- Huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau để thực hiện: Vốn ngân sách nhà nước; nguồn viện trợ và đầu tư từ chính phủ nước ngoài (ODA); vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); vốn đầu tư trực tiếp từ nhà đầu tư tư nhân, doanh nghiệp; vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

XI. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG VÙNG

1. Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Chỉ chấp thuận dự án đầu tư sinh thái, vì mục đích bảo tồn và sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường; kiểm soát phát thải khí nhà kính. Hạn chế quy hoạch, phát triển dự án khai thác khoáng sản; xây dựng kho chứa hóa chất độc hại.

2. Vùng hạn chế phát thải: Phát triển đô thị, cụm dân cư hài hoà với cảnh quan môi trường, có cơ sở hạ tầng cấp, thoát nước, xử lý nước thải; tỷ lệ cây xanh/diện tích tự nhiên cao. Tập trung bảo tồn và phát triển bền vững các giá trị lịch sử, văn hóa trong khu vực, phát triển du lịch sinh thái, giáo dục môi trường. Phát triển bền vững tại các di sản, di tích, địa điểm du lịch, các KCN, CCN, làng nghề.

3. Vùng khác: Áp dụng sản xuất sạch trong hoạt động sản xuất. Quan tâm, khai thác hiệu quả các khu vực tiềm năng, ngăn ngừa ô nhiễm do hoạt động các cơ sở sản xuất trong KCN, CCN, làng nghề, các cơ sở sản xuất xen kẽ trong khu dân cư.

XII. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO QUY HOẠCH

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong “Quy định quản lý theo Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Nam Trực - Trực Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050” kèm theo đồ án.

XIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, dữ liệu, chỉ tiêu kỹ thuật của đồ án đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện: Nam Trực, Trực Ninh và các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Theo chức năng nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, giám sát, quản lý công tác xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. UBND các huyện: Nam Trực, Trực Ninh

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Căn cứ Đồ án quy hoạch được duyệt triển khai việc lập các quy hoạch xây dựng có liên quan tại các khu vực theo yêu cầu phát triển, quản lý đô thị hoặc nhu cầu đầu tư xây dựng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.

14

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải; Chủ tịch các UBND huyện: Nam Trực, Trực Ninh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Lan Anh